SAO Y; Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp; Thời gian ký: 2026-04-29T15:52:18+07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1311 /QĐ-UBND	*Đồng Tháp, ngày 28 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 3122/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 3141/STC-ĐT,TĐ&GSĐT ngày 23 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp cho **Ban Quản lý dự án tỉnh Đồng Tháp** như sau:

1. Tên công trình và vốn đầu tư: Theo danh mục đính kèm.

2. Nguồn vốn: Vốn ngân sách nhà nước năm 2026.

Điều 2. Tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2026

1. Chủ động xây dựng kế hoạch triển khai, tiến độ giải ngân cho từng nhiệm vụ, dự án thuộc kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2026. Thực hiện phân công Lãnh đạo phụ trách, chịu trách nhiệm theo dõi, lên kế hoạch triển khai chi tiết từng dự án, bám sát tiến độ thực hiện của từng nhiệm vụ, dự án để kịp thời chỉ đạo, xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ, dự án.

2. Nâng cao chất lượng công tác chuẩn bị đầu tư; kiên quyết khắc phục và chấm dứt tình trạng chậm triển khai dự án, chậm giải ngân vốn đầu tư công. Thực hiện rà soát thường xuyên, cắt giảm và điều chuyển ngay kế hoạch vốn của các nhiệm vụ, dự án chậm tiến độ, không có khả năng giải ngân sang các dự án có khả năng thực hiện và giải ngân tốt nhưng thiếu vốn; hạn chế tối đa việc chuyển nguồn. Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, có khả năng hấp thụ vốn và bảo đảm giải ngân hết kế hoạch được giao theo đúng quy định. Việc phân bổ, điều chỉnh vốn giữa các nhiệm vụ, dự án phải được thực hiện kịp thời; gửi Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Quyết định điều chỉnh để kịp thời giải ngân kế hoạch vốn.

3. Đề cao kỷ luật, kỷ cương trong đầu tư công, tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực thi công vụ của các cá nhân, đơn vị liên quan, cá thể hóa trách nhiệm người đứng đầu trong trường hợp giải ngân chậm, gắn trách nhiệm, đánh giá mức độ hoàn thành công việc của các cá nhân, đơn vị được giao với tiến độ thực hiện giải ngân của từng dự án; kịp thời thay thế, điều chuyển, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, cản trở, làm việc cầm chừng, né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm, để trì trệ, làm chậm tiến độ giao vốn, giải ngân vốn, không đáp ứng yêu cầu công việc được giao; phấn đấu tỷ lệ giải ngân năm 2026 đạt 100% kế hoạch được giao; tỷ lệ giải ngân là một trong các tiêu chí để xem xét đánh giá, xếp loại cuối năm đối với tập thể, cá nhân.

4. Chịu trách nhiệm toàn diện trước Ủy ban nhân dân tỉnh về tiến độ giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2026 theo quy định của pháp luật về đầu tư công; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan thanh tra, kiểm toán, cơ quan liên quan khác về tính chính xác của thông tin, số liệu, tính đầy đủ, tuân thủ tiêu chuẩn, định mức và các điều kiện giao kế hoạch theo đúng quy định của pháp luật; quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí được phân bổ đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và pháp luật liên quan; bảo đảm triển khai kịp thời, hiệu quả, đúng mục đích, không để xảy ra thất thoát, lãng phí, tiêu cực.

5. Chủ đầu tư sử dụng vốn đầu tư công định kỳ thứ 6 hằng tuần, trước ngày 25 hằng tháng báo cáo kết quả giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2026 gửi Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3222/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành: Tài chính, Kho bạc Nhà nước khu vực XVIII, chủ đầu tư cùng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VPUBND: CVP và các PCVP, P.ĐTQH (Khương);
- Lưu: VT, (Tú).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Trần Văn Dũng

PHỤ LỤC
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 (ĐIỀU CHỈNH)
Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án tỉnh Đồng Tháp
(Kèm theo Quyết định số 13N/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/dự án	Tổng mức đầu tư		Lũy kế TH giai đoạn trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2026 (Quyết định số định 3222/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)							Kế hoạch đầu tư công năm 2026 (điều chỉnh)							Ghi chú
					Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó: nguồn vốn						Tổng số	Trong đó: nguồn vốn						
									Chi XDCB	Vốn SDĐ	Vốn XSKT	Vốn tăng thu XSKT 2025	Vốn tăng thu NS cấp tỉnh năm 2025	NSTW		Chi XDCB	Vốn SDĐ	Vốn XSKT	Vốn tăng thu XSKT 2025	Vốn tăng thu NS cấp tỉnh năm 2025	NSTW	
	TỔNG CỘNG				**30.695.617**	**12.009.917**	**2.901.800**	**1.052.088**	**4.098**	**11.000**	**266.300**	**-**	**20.000**	**750.690**	**1.052.088**	**4.098**	**11.000**	**266.300**	**-**	**20.000**	**750.690**	
	A. VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG				**27.055.617**	**12.009.917**	**52.000**	**301.398**	**4.098**	**11.000**	**266.300**	**-**	**20.000**	**-**	**301.398**	**4.098**	**11.000**	**266.300**	**-**	**20.000**	**-**	
	I. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp				**2.072.385**	**2.072.385**	**52.000**	**116.400**	**-**	**-**	**116.400**	**-**	**-**	**-**	**66.400**	**-**	**-**	**66.400**	**-**	**-**	**-**	
	a. Chuẩn bị đầu tư				**1.881.500**	**1.881.500**	**-**	**31.400**	**-**	**-**	**31.400**	**-**	**-**	**-**	**31.400**	**-**	**-**	**31.400**	**-**	**-**	**-**	
	(1). Các công trình Đại học, Cao đẳng				***150.500***	***150.500***	**-**	***2.700***	**-**	**-**	***2.700***	**-**	**-**	**-**	***2.700***	**-**	**-**	***2.700***	**-**	**-**	**-**	
1	Đầu tư Trường Cao đẳng Y tế thành Trường Cao đẳng chất lượng cao giai đoạn 2026-2030		2027-2029		50.000	50.000		1.000			1.000				1.000			1.000				
2	Nhà ở sinh viên tập trung khu vực phường Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp		2027-2028		35.000	35.000		700			700				700			700				
3	Trường phổ thông năng khiếu, Huấn luyện và Thi đấu thể thao (Tên mới: Trường Phổ thông Năng khiếu, Thể dục, thể thao)		2028-2030		65.500	65.500		1.000			1.000				1.000			1.000				
	(2). Các trường, trung tâm dạy nghề, nghề trọng điểm; trường và trung tâm giáo dục chính trị, quốc phòng, an ninh				***132.000***	***132.000***	**-**	***2.000***	**-**	**-**	***2.000***	**-**	**-**	**-**	***2.000***	**-**	**-**	***2.000***	**-**	**-**	**-**	
1	Trường nuôi dạy trẻ khuyết tật tỉnh Đồng Tháp		2028-2031		132.000	132.000		2.000	-		2.000				2.000			2.000				
	(3). Các công trình Trung học phổ thông				***1.599.000***	***1.599.000***	**-**	***26.700***	**-**	**-**	***26.700***	**-**	**-**	**-**	***26.700***	**-**	**-**	***26.700***	**-**	**-**	**-**	
1	Sửa chữa, cải tạo các Trường (THPT Đỗ Công Tường, THPT Cao Lãnh, THPT Chuyên Nguyễn Quang Diệu, THPT Lấp Vò 3, THPT Lấp Vò 2, THPT Hồng Ngự 3, THPT Hòa Bình 3, THCS-THPT Hoà Bình, THCS-THPT Tân Mỹ; THPT Tân Hồng, THPT Tháp Mười, THPT Phú Điền, ...)		2027-2029		100.000	100.000		2.000			2.000				2.000			2.000				
2	Trường THCS-THPT Bình Thạnh Trung		2027-2029		65.000	65.000		1.000			1.000				1.000			1.000				
3	Trường THCS-THPT Phú Thành A		2029-2031		75.000	75.000		1.500			1.500				1.500			1.500				
4	Trường THCS-THPT Tân Thành		2027-2029		45.000	45.000		900			900				900			900				
5	Trường THPT Cao Lãnh 1		2027-2029		30.000	30.000		600			600				600			600				
6	Trường THPT Cao Lãnh 2		2027-2029		18.000	18.000		300			300				300			300				
7	Trường THPT Châu Thành 1		2027-2029		25.000	25.000		500			500				500			500				
8	Trường THPT Châu Thành 2		2029-2032		138.000	138.000		2.500			2.500				2.500			2.500				
9	Trường THPT Chu Văn An		2029-2031		65.000	65.000		1.000			1.000				1.000			1.000				
10	Trường THPT Chuyên Nguyễn Đình Chiểu		2029-2031		41.000	41.000		800			800				800			800				
11	Trường THPT Hồng Ngự 2		2029-2031		63.000	63.000		1.000			1.000				1.000			1.000				

Stt	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/dự án	Tổng mức đầu tư		Lũy kế TH giai đoạn trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2026 (*Quyết định số định 3222/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp*)							Kế hoạch đầu tư công năm 2026 (*điều chỉnh*)							Ghi chú
					Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó: nguồn vốn						Tổng số	Trong đó: nguồn vốn						
									Chi XDCB	Vốn SDĐ	Vốn XSKT	Vốn tăng thu XSKT 2025	Vốn tăng thu NS cấp tỉnh năm 2025	NSTW		Chi XDCB	Vốn SDĐ	Vốn XSKT	Vốn tăng thu XSKT 2025	Vốn tăng thu NS cấp tỉnh năm 2025	NSTW	
12	Trường THPT Kiến Văn		2030-2032		55.000	55.000		1.000			1.000				1.000			1.000				
13	Trường THPT Lai Vung 1		2030-2032		75.000	75.000		1.500			1.500				1.500			1.500				
14	Trường THPT Lai Vung 3		2027-2029		27.000	27.000		500			500				500			500				
15	Trường THPT Lấp Vò 1		2029-2031		60.000	60.000		1.000			1.000				1.000			1.000				
16	Trường THPT Long Khánh A		2027-2029		19.000	19.000		300			300				300			300				
17	Trường THPT Mỹ Quý		2027-2029		25.000	25.000		500			500				500			500				
18	Trường THPT Nguyễn Du		2029-2031		70.000	70.000		1.000			1.000				1.000			1.000				
19	Trường THPT Tam Nông		2027-2029		22.000	22.000		400			400				400			400				
20	Trường THPT Thanh Bình 1		2029-2031		75.000	75.000		1.500			1.500				1.500			1.500				
21	Trường THPT Thanh Bình 2		2029-2032		150.000	150.000		2.000			2.000				2.000			2.000				
22	Trường THPT Thành phố Sa Đéc		2027-2029		120.000	120.000		2.000			2.000				2.000			2.000				
23	Trường THPT Thống Linh		2029-2031		45.000	45.000		900			900				900			900				
24	Trường THPT Tràm Chim		2029-2031		165.000	165.000		1.500			1.500				1.500			1.500				
25	Trường THPT Trần Quốc Toản		2027-2029		26.000	26.000		500			500				500			500				
b. Thực hiện đầu tư					**190.885**	**190.885**	**52.000**	**85.000**	**-**	**-**	**85.000**	**-**	**-**	**-**	**35.000**	**-**	**-**	**35.000**	**-**	**-**	**-**	
b1. Công trình chuyển tiếp					***190.885***	***190.885***	***52.000***	***85.000***	**-**	**-**	***85.000***	**-**	**-**	**-**	***35.000***	**-**	**-**	***35.000***	**-**	**-**	**-**	
(1). Các công trình Trung học phổ thông					***190.885***	***190.885***	***52.000***	***85.000***	**-**	**-**	***85.000***	**-**	**-**	**-**	***35.000***	**-**	**-**	***35.000***	**-**	**-**	**-**	
1	Trường Trung học phổ thông Trường Xuân	8128595	2025-2026	Số 225/QĐ-UBND.HC ngày 14/3/2025	69.205	69.205	27.000	30.000			30.000				20.000			20.000				
2	Trường Trung học phổ thông thành phố Hồng Ngự	8128770	2025-2026	Số 428/QĐ-UBND-HC ngày 29/4/2025	121.680	121.680	25.000	55.000			55.000				15.000			15.000				
II. Y tế, dân số và gia đình					**850.000**	**85.000**	**-**	**9.000**	**-**	**-**	**9.000**	**-**	**-**	**-**	**9.000**	**-**	**-**	**9.000**	**-**	**-**	**-**	
a. Chuẩn bị đầu tư					**850.000**	**85.000**	**-**	**9.000**	**-**	**-**	**9.000**	**-**	**-**	**-**	**9.000**	**-**	**-**	**9.000**	**-**	**-**	**-**	
(1). Bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tuyến tỉnh					***850.000***	***85.000***	**-**	***9.000***	**-**	**-**	***9.000***	**-**	**-**	**-**	***9.000***	**-**	**-**	***9.000***	**-**	**-**	**-**	
1	Xây dựng Bệnh viện sản nhi Đồng Tháp		2027-2029		600.000	60.000		5.000			5.000				5.000			5.000				**Đối ứng NSTW**
2	Bệnh viện Hồng Ngự		2027-2029		250.000	25.000		4.000			4.000				4.000			4.000				**Đối ứng NSTW**
III. Văn hóa, Thông tin					**700.000**	**-**	**-**	**5.000**	**-**	**-**	**5.000**	**-**	**-**	**-**	**5.000**	**-**	**-**	**5.000**	**-**	**-**	**-**	
a. Chuẩn bị đầu tư					**700.000**	**-**	**-**	**5.000**	**-**	**-**	**5.000**	**-**	**-**	**-**	**5.000**	**-**	**-**	**5.000**	**-**	**-**	**-**	

Stt	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/dự án	Tổng mức đầu tư		Lũy kế TH giai đoạn trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2026 (*Quyết định số định 3222/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp*)							Kế hoạch đầu tư công năm 2026 (*điều chỉnh*)							Ghi chú
					Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó: nguồn vốn						Tổng số	Trong đó: nguồn vốn						-
									Chi XDCB	Vốn SDĐ	Vốn XSKT	Vốn tăng thu XSKT 2025	Vốn tăng thu NS cấp tỉnh năm 2025	NSTW		Chi XDCB	Vốn SDĐ	Vốn XSKT	Vốn tăng thu XSKT 2025	Vốn tăng thu NS cấp tỉnh năm 2025	NSTW	
1	Xây dựng nhà bảo tàng Đồng Tháp Mười, Đồng Tháp		2026-2029		700.000			5.000			5.000				5.000			5.000				Đối ứng CTMTQG
IV. Thể dục, thể thao					**51.000**	**51.000**	-	**1.000**	**1.000**	-	-	-	-	-	**1.000**	**1.000**	-	-	-	-	-	
a. Chuẩn bị đầu tư					**51.000**	**51.000**	-	**1.000**	**1.000**	-	-	-	-	-	**1.000**	**1.000**	-	-	-	-	-	
1	Nâng cấp cơ sở hạ tầng các thiết chế thể thao các cấp		2029-2031		51.000	51.000		1.000	1.000						1.000	1.000						
V. Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản					**6.924.864**	**2.686.864**	-	**89.400**	-	-	**89.400**	-	-	-	**139.400**	-	-	**139.400**	-	-	-	
a. Chuẩn bị đầu tư					**6.474.864**	**2.456.864**	-	**29.400**	-	-	**29.400**	-	-	-	**2.400**	-	-	**2.400**	-	-	-	
(1). Phòng chống sạt lở bờ biển, bờ sông					***3.700.000***	***490.000***	-	***9.000***	-	-	***9.000***	-	-	-	***900***	-	-	***900***	-	-	-	
1	Xử lý sạt lở sông Tiền đoạn qua phường Cao Lãnh, xã Mỹ An Hưng		2026-2029		800.000	200.000		4.000			4.000				300			300				
2	Xử lý sạt lở sông Tiền đoạn qua địa phận tỉnh Đồng Tháp		2026-2029		2.900.000	290.000		5.000			5.000				600			600				
(2). Bố trí ổn định dân cư					***591.000***	***221.000***	-	***4.400***	-	-	***4.400***	-	-	-	***400***	-	-	***400***	-	-	-	
1	Bố trí ổn định dân cư vùng thiên tai		2027-2029		231.000	21.000		400			400				200			200				
2	Hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng kỹ thuật đối với các cụm tuyến dân cư vượt lũ giai đoạn 1 và giai đoạn 2		2027-2029		360.000	200.000		4.000			4.000				200			200				
(3). Thủy lợi					***1.675.764***	***1.675.764***	-	***15.000***	-	-	***15.000***	-	-	-	***900***	-	-	***900***	-	-	-	
1	Đầu tư hạ tầng thủy lợi tưới tiêu tiên tiến tiết kiệm nước cho các huyện phía Bắc tỉnh Đồng Tháp		2028-2030		250.000	250.000		5.000			5.000				200			200				
2	Cải tạo và nâng cấp hệ thống công trình chuyển nước từ sông Tiền qua sông Hậu, chống ngập gồm: Kênh Nha Mân - Tư Tài, Kênh Xẻo Mát - Cái Vồn, Kênh Xã Trầu - Sóc Tro, Kênh xáng Sa Đéc - Lấp Vò		2028-2030		825.764	825.764		5.000			5.000				300			300				
3	Cải tạo và nâng cấp kênh Tân Thành Lò Gạch		2028-2030		600.000	600.000		5.000			5.000				400			400				
(4). Thủy sản					***508.100***	***70.100***	-	***1.000***	-	-	***1.000***	-	-	-	***200***	-	-	***200***	-	-	-	
1	Liên kết sản xuất cá tra giống chất lượng cao tỉnh Đồng Tháp		*2028-2030*		508.100	70.100		1.000			1.000				200			200				
b. Thực hiện đầu tư					**450.000**	**230.000**	-	**60.000**	-	-	**60.000**	-	-	-	**137.000**	-	-	**137.000**	-	-	-	
b.1. Công trình khởi công mới					**450.000**	**230.000**	-	**60.000**	-	-	**60.000**	-	-	-	**137.000**	-	-	**137.000**	-	-	-	
(1). Phòng chống sạt lở bờ biển, bờ sông					***450.000***	***230.000***	-	***60.000***	-	-	***60.000***	-	-	-	***137.000***	-	-	***137.000***	-	-	-	
1	Khắc phục khẩn cấp sạt lở sông Tiền khu vực Kè chống xói lở bờ sông Tiền, xã Thường Phước, tỉnh Đồng Tháp		2026-2029	Số 1161/QĐ-UBND ngày 18/10/2025 và số 1443/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	450.000	230.000	-	60.000			60.000				137.000			137.000				
VI. Giao thông					**15.758.119**	**6.415.419**	-	**73.198**	**2.198**	**11.000**	**40.000**	-	**20.000**	-	**73.198**	**2.198**	**11.000**	**40.000**	-	**20.000**	-	
a. Chuẩn bị đầu tư					**15.690.433**	**6.347.733**	-	**51.000**	-	**11.000**	**40.000**	-	-	-	**51.000**	-	**11.000**	**40.000**	-	-	-	
(1). Đường tỉnh					***8.969.000***	***3.509.000***	-	***30.000***	-	-	***30.000***	-	-	-	***30.000***	-	-	***30.000***	-	-	-	
1	Đầu tư xây dựng tuyến ĐT.847 đoạn Đường Thét - Trường Xuân		2026-2029		1.100.000	300.000		5.000	-		5.000				5.000			5.000				
2	Đầu tư xây dựng tuyến 852C đoạn giao QL.80 - giao cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ		2026-2029		1.950.000	750.000		5.000	-		5.000				5.000			5.000				

Stt	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/dự án	Tổng mức đầu tư		Lũy kế TH giai đoạn trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2026 (*Quyết định số định 3222/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp*)							Kế hoạch đầu tư công năm 2026 (*điều chỉnh*)							Ghi chú
					Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó: nguồn vốn						Tổng số	Trong đó: nguồn vốn						-
									Chi XDCB	Vốn SDĐ	Vốn XSKT	Vốn tăng thu XSKT 2025	Vốn tăng thu NS cấp tỉnh năm 2025	NSTW		Chi XDCB	Vốn SDĐ	Vốn XSKT	Vốn tăng thu XSKT 2025	Vốn tăng thu NS cấp tỉnh năm 2025	NSTW	
3	Đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng tuyến ĐT.845		2026-2029		2.680.000	1.180.000		5.000	-		5.000				5.000			5.000				
4	Nâng cấp, mở rộng Đường ĐT.843 (đoạn cầu Giồng Răng - thị trấn Sa Rài)		2028-2031		239.000	239.000		3.000			3.000				3.000			3.000				
5	Đầu tư mở rộng Đường ĐT.856 kết nối với cao tốc Dinh Bà - Cao Lãnh		2028-2030		100.000	40.000	-	2.000			2.000				2.000			2.000				
6	Đầu tư đường ĐT.850 kết nối với cao tốc Cao Lãnh - An Hữu (bao gồm cầu sông Cái Sao Nhỏ)		2029-2032		1.500.000	400.000		5.000			5.000				5.000			5.000				
7	Đầu tư đường ĐT.845 kết nối ĐT.861, ĐT.863 (đoạn từ QL.30B giao với Đường tỉnh ĐT.861, ĐT.863)		2029-2032		1.400.000	600.000		5.000			5.000				5.000			5.000				
	(2). Đầu tư các cầu				***542.000***	***542.000***	-	***6.000***	-	***6.000***	-	-	-	-	***6.000***	-	***6.000***	-	-	-	-	
1	Xây dựng mới 05 cầu trên tuyến đường ĐT.852 (Đoạn từ QL.80 – nút giao Rẽ Quạt ĐT.851)		2027-2029		119.000	119.000		2.000		2.000					2.000		2.000					
2	Xây dựng mới 03 cầu trên tuyến đường ĐT.853 (đoạn từ QL.54 - Phà Phong Hòa Thới An)		2027-2029		83.000	83.000		1.000		1.000					1.000		1.000					
3	Đầu tư xây dựng cầu Hòa Bình – Vĩnh Châu B kết nối Đồng Tháp với Long An		2028-2030		150.000	150.000		1.500		1.500					1.500		1.500					
4	Đầu tư xây dựng cầu Vàm Cống - Hòa An kết nối Đồng Tháp với An Giang và cầu Lấp Vò		2029-2031		190.000	190.000		1.500		1.500					1.500		1.500					
	(3).Đường phát triển đô thị				***1.450.000***	***450.000***	-	***5.000***	-	***5.000***	-	-	-	-	***5.000***	-	***5.000***	-	-	-	-	
1	Đầu tư xây dựng, mở rộng đường Ven sông Tiền đoạn qua phường Cao Lãnh (kể cả cầu Doi Me)		2029-2032		1.450.000	450.000		5.000		5.000					5.000		5.000					
	(4). Đối ứng các dự án ODA				***4.729.433***	***1.846.733***	-	***10.000***	-	-	***10.000***	-	-	-	***10.000***	-	-	***10.000***	-	-	-	
1	Hạ tầng giao thông đường bộ khu vực Nam sông Tiền, tỉnh Đồng Tháp		2026-2031		4.729.433	1.846.733		10.000			10.000				10.000			10.000				Ứng Quỹ Phát triển Đất GPMB
b. Thực hiện đầu tư					**67.686**	**67.686**	-	**22.198**	**2.198**	-	-	-	**20.000**	-	**22.198**	**2.198**	-	-	-	**20.000**	-	
b.1. Công trình khởi công mới					**67.686**	**67.686**	0	**22.198**	**2.198**	0	0	0	**20.000**	0	**22.198**	**2.198**	0	0	0	**20.000**	0	
	(1). Đường tỉnh				***67.686***	***67.686***	-	***22.198***	***2.198***	-	-	-	***20.000***	-	***22.198***	***2.198***	-	-	-	***20.000***	-	
1	Dự án thành phần 2: Cải tạo nút giao An Bình, tỉnh Đồng Tháp		2026-2028	Số 1712/QĐ-UBND ngày 02/12/2025	67.686	67.686		22.198	2.198				20.000		22.198	2.198				20.000		
VII. Thương mại					**500.000**	**500.000**	-	**5.000**	-	-	**5.000**	-	-	-	**5.000**	-	-	**5.000**	-	-	-	
a. Chuẩn bị đầu tư					**500.000**	**500.000**	-	**5.000**	-	-	**5.000**	-	-	-	**5.000**	-	-	**5.000**	-	-	-	
1	Trung tâm đầu mối nông sản và thuỷ sản nước ngọt vùng Đồng Tháp Mười		2028-2031		500.000	500.000		5.000			5.000				5.000			*5.000*				
VIII. Du lịch					**150.000**	**150.000**	-	**1.500**	-	-	**1.500**	-	-	-	**1.500**	-	-	**1.500**	-	-	-	
a. Chuẩn bị đầu tư					**150.000**	**150.000**	-	**1.500**	-	-	**1.500**	-	-	-	**1.500**	-	-	**1.500**	-	-	-	
1	Phát triển cơ sở hạ tầng các khu điểm du lịch tạo điều kiện mở mới các tuyến du lịch trong tỉnh và liên kết ngoài Tỉnh		2027-2030		150.000	150.000		1.500			1.500				1.500			1.500				
IX. Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước					**49.249**	**49.249**	-	**900**	**900**	-	-	-	-	-	**900**	**900**	-	-	-	-	-	
a. Chuẩn bị đầu tư					**49.249**	**49.249**	-	**900**	**900**	-	-	-	-	-	**900**	**900**	-	-	-	-	-	

Stt	Danh mục dự án	Mã dự án đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/dự án	Tổng mức đầu tư		Lũy kế TH giai đoạn trước	Kế hoạch đầu tư công năm 2026 (*Quyết định số định 3222/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp*)							Kế hoạch đầu tư công năm 2026 (*điều chỉnh*)							Ghi chú
					Tổng số	Trong đó: Ngân sách tỉnh		Tổng số	Trong đó: nguồn vốn						Tổng số	Trong đó: nguồn vốn						
									Chi XDCB	Vốn SDĐ	Vốn XSKT	Vốn tăng thu XSKT 2025	Vốn tăng thu NS cấp tỉnh năm 2025	NSTW		Chi XDCB	Vốn SDĐ	Vốn XSKT	Vốn tăng thu XSKT 2025	Vốn tăng thu NS cấp tỉnh năm 2025	NSTW	
1	Chỉnh trang Hội trường, hồ sen và các tuyến đường nội bộ trong khuôn viên Trung tâm hoạt động Thanh thiếu nhi tỉnh Đồng Tháp		2026-2027		49.249	49.249		900	900						900	900						
B. VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG					**3.640.000**	**-**	**2.849.800**	**750.690**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**750.690**	**750.690**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**750.690**	
I	**Dự án cao tốc, quốc lộ, tỉnh lộ liên kết vùng**				**3.640.000**	**-**	**2.849.800**	**750.690**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**750.690**	**750.690**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**750.690**	
a	**Dự án chuyển tiếp**				**3.640.000**	**-**	**2.849.800**	**750.690**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**750.690**	**750.690**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**750.690**	
1	Dự án thành phần 1 của dự án Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Cao Lãnh - An Hữu, giai đoạn 1	7968812	2023-2027	Số 180/QĐ-UBND-HC ngày 13/02/2023	3.640.000		2.849.800	750.690						750.690	750.690						750.690	